

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50 /2017/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

SỐ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI

Số: 298

Ngày: 29/01/2018

Chuyển: Ban Văn phòng, Ban Pháp chế

Lưu hồ sơ số: ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 733/TTr-SNV ngày 14/12/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 84/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và đoàn thể cấp tỉnh; Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện,

thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW; Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thành viên HĐTĐKT tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Ban TĐKT tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lào Cai;
- Công báo Lào Cai;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TC, TH4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số.../2017/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam, hộ gia đình sinh sống, làm việc, học tập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
2. Cơ quan Nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
3. Các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh có đóng góp xây dựng tỉnh Lào Cai
4. Người nước ngoài, tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Đăng ký thi đua

1. Tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua phải đăng ký nội dung, chỉ tiêu và danh hiệu thi đua với các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động phong trào thi đua.
2. Đăng ký chỉ tiêu thi đua:
 - a) Đối với tập thể được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm: các chỉ tiêu đăng ký thi đua không được thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch năm được cơ quan có thẩm quyền giao;
 - b) Đối với tập thể không được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm: chỉ tiêu đăng ký thi đua không được thấp hơn kết quả thực hiện của năm trước liền kề.

Điều 4. Nguyên tắc, quy trình bình xét danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc:

a) Tập thể không đăng ký thi đua và không tham gia ký giao ước thi đua; cá nhân không đăng ký thi đua thì không được xét tặng các danh hiệu thi đua;

b) Đăng ký danh hiệu thi đua nào thì chỉ được đề nghị xét, tặng danh hiệu thi đua đó hoặc danh hiệu thi đua thấp hơn.

2. Quy trình thực hiện:

a) Xét, công nhận sáng kiến cho cá nhân theo quy định;

b) Đánh giá, phân xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân trước (trừ người đứng đầu), tập thể sau;

c) Xét, tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân trước (trừ người đứng đầu), tặng danh hiệu thi đua cho tập thể sau;

d) Việc đánh giá, phân xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét danh hiệu thi đua của cá nhân là người đứng đầu đơn vị được gắn với kết quả phân xếp loại của tập thể đơn vị. Tập thể đơn vị không được công nhận danh hiệu từ "Tập thể lao động tiên tiến" trở lên thì người đứng đầu không được xét tặng danh hiệu thi đua.

3. Quy trình xét các danh hiệu thi đua:

a) Đối với cá nhân, thực hiện theo thứ tự sau đây:

Bước 1: Xét, đề nghị tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ tiên tiến" trong số những cá nhân được đánh giá, phân xếp loại từ "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

Bước 2: Xét, chọn tối đa không quá 15% (mười lăm phần trăm) trong số những cá nhân đủ tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ tiên tiến", có sáng kiến được Hội đồng sáng kiến cơ sở công nhận để xét, đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở";

Bước 3: Xét, chọn tối đa không quá 20% (hai mươi phần trăm) cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân có 03 (ba) lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", có sáng kiến cấp tỉnh được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh";

Bước 4: Xét, chọn cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân có 02 (hai) lần liên tiếp được công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", có sáng kiến lan tỏa toàn quốc được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận để đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc".

b) Đối với tập thể trực thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Bước 1: Xét, đề nghị công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" trong số các tập thể tiêu biểu được đánh giá, phân xếp loại từ mức "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên có đủ tiêu chuẩn quy định;

Bước 2: Xét, lựa chọn tối đa 20% (hai mươi phần trăm) tập thể trong số các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" và đáp ứng

đủ tiêu chuẩn của danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị Quyết thắng" đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị Quyết thắng".

c) Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương là thành viên các khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc ủy quyền thành lập:

Thực hiện việc bình xét "Cờ thi đua" theo Quy chế hoạt động khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 5. Nguyên tắc, quy trình xét khen thưởng

1. Nguyên tắc:

a) Trong một năm không khen thưởng quá một hình thức khen thưởng của cùng một cấp, trừ hình thức khen thưởng đột xuất;

b) Cùng một thành tích đột xuất nếu khen thưởng cho tập thể thì không khen thưởng cho cá nhân người đứng đầu và ngược lại;

c) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Người đứng đầu tập thể chỉ được khen thưởng và đề nghị khen thưởng cấp tỉnh khi tập thể được công nhận "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" (trừ khen thưởng đột xuất);

d) Việc xét, đề nghị khen thưởng phải được thực hiện từ cơ sở; hoặc thông qua việc phát hiện điển hình tiên tiến của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp yêu cầu các cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng;

đ) Khi xét, đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong các trường hợp: sơ kết, tổng kết thực hiện Luật, Pháp lệnh và các văn bản do Trung ương ban hành; Đại hội, Hội thi, Hội thao, Hội diễn, Liên hoan, Lễ hội, Tổng điều tra, Bầu cử...: Ưu tiên trình khen thưởng các tập thể, cá nhân tham gia trực tiếp có nhiều đóng góp;

e) Cấp nào tổ chức phát động thi đua thì cấp đó thực hiện việc khen thưởng theo quy định; Trong phong trào thi đua thường xuyên hàng năm chỉ khen thưởng cho các đơn vị thuộc ngành dọc có tham gia các khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và cá nhân trực thuộc đơn vị;

g) Đối với thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề) tổ chức với quy mô rộng lớn (trong phạm vi một địa phương, một ngành) có thời gian từ 02 (hai) năm trở lên và có đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh): khi tổng kết phong trào hoặc đợt thi đua được xem xét đề nghị khen thưởng cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào, đợt thi đua.

2. Quy trình xét khen thưởng:

a) Căn cứ kết quả đánh giá, phân xếp loại các tập thể, cá nhân đạt được trong năm, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (bộ phận làm công tác thi đua khen thưởng) tiến hành rà soát thành tích đạt được của các tập thể, cá

nhân trong các năm trước đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xét các hình thức khen thưởng phù hợp theo quy định;

b) Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng; phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích; trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích của các tập thể, cá nhân để xét đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định;

Điều 6. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng

Thẩm quyền Quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các quy định sau đây:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" cho các tập thể.

2. Thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ thi đua cơ sở" cho các cá nhân:

a) Chánh Văn phòng Tỉnh ủy quyết định đối với cá nhân thuộc Thường trực Tỉnh ủy;

b) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với cá nhân thuộc Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đối với cá nhân thuộc Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với cá nhân thuộc Thường trực Huyện, thành ủy; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện chuyên trách.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Tập thể Lao động tiên tiến" và Giấy khen cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

Điều 7. Những trường hợp không xét khen thưởng và không trình cấp trên khen thưởng

Không xét khen thưởng hoặc không trình cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đối với tập thể:

- a) Thành tích không đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định;
- b) Tổ chức đảng không đạt danh hiệu "Đơn vị trong sạch, vững mạnh";
- c) Tổ chức đoàn thể không đạt "Đơn vị vững mạnh xuất sắc";
- d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng không đủ các tài liệu cần phải có hoặc không đảm bảo về thời gian hoặc không đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu đề nghị khen thưởng theo quy định;
- đ) Đối với khen thưởng theo đợt, chuyên đề: Cơ quan, đơn vị không tổ chức phát động thi đua hoặc không xây dựng nội dung, tiêu chí, tiêu chuẩn khen thưởng và không đăng ký thi đua.

2. Đối với cá nhân:

- a) Thành tích không đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định;
- b) Cá nhân trong thời gian xem xét kỷ luật, cá nhân liên quan đến các vụ án, vụ việc tiêu cực mà chưa có kết luận của các cơ quan chức năng; cá nhân đang trong thời gian thi hành một trong các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên;
- c) Không tham gia công tác xã hội, từ thiện do tình, cơ quan phát động;
- d) Gia đình mà cá nhân là thành viên không đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa".

Điều 8. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương được trích lập, quản lý và sử dụng theo quy định tại Chương VI, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; TUYẾN TRÌNH VÀ THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 9. Tỷ lệ xét, tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Số lượng cá nhân được xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% (mười lăm phần trăm) tổng số cá nhân được tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" của mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; huyện, thành phố và doanh nghiệp. Đối với các huyện, thành phố tỷ lệ 15%

tính riêng theo khối các xã, phường, thị trấn và khối các phòng, ban đơn vị trực thuộc huyện, thành phố.

2. Số lượng tập thể đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” hàng năm không vượt quá 20% trong tổng số tập thể của đơn vị, địa phương được tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”. Nếu tính 20% không đủ 01 (một) tập thể thì được trình tối đa là 01 (một) tập thể; Trường hợp nếu tính tỷ lệ % có số dư từ 0,5 trở lên thì được làm tròn lên 01 (một) tập thể.

3. Tỷ lệ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen trong phong trào thi đua thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các huyện, thành phố không vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) tổng số cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức và 20% (hai mươi phần trăm) đối với đơn vị trực thuộc được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định (quy định này không áp dụng đối với ngành Giáo dục và Y tế và các cơ quan ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn).

Điều 10. Tiêu chuẩn “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Được xét tặng hàng năm cho các tập thể có đăng ký thi đua, tham gia tích cực vào các phong trào thi đua do các cơ quan, đơn vị phát động và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao ban hành quy định cụ thể hóa đối tượng, tiêu chuẩn, nội dung, tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ từng mặt công tác; tỷ lệ phần trăm để làm căn cứ xét, thưởng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” cho phù hợp.

Điều 11. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng”

1. Được xét, tặng hàng năm cho tập thể có thành tích xuất sắc, được bình chọn, suy tôn trong phong trào thi đua của đơn vị và đạt các điều kiện sau:

a) Được tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;

b) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Đối tượng xét danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” cụ thể như sau:

a) Cấp tỉnh: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; một số đơn vị đặc thù trực thuộc các chi cục và tương đương thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh (không xét tặng cho các cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc là ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh);

b) Cấp huyện: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; tập thể cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp: Xét tặng các trường học, bệnh viện và tương đương; các khoa, phòng và tương đương trực thuộc bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện và các trường chuyên nghiệp; các trạm y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực.

d) Đối với doanh nghiệp: xét tặng các doanh nghiệp và các xí nghiệp, phân xưởng, chi nhánh thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh không phải là đơn vị thành viên trực thuộc các tổng công ty, tập đoàn (không tặng cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh là đơn vị thành viên trực thuộc các tổng công ty, tập đoàn).

Điều 12. Hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bức Trướng.
2. Huy hiệu "Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Lào Cai".
3. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng.
5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
6. Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Tặng Bức Trướng

1. Bức Trướng để tặng cho tập thể nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào các năm tròn chục (10 năm, 20 năm...) của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm biểu dương, ghi nhận và động viên kết quả đạt được của tập thể trong quá trình phấn đấu, xây dựng, trưởng thành.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình tặng Bức Trướng thực hiện theo quy định riêng của Tỉnh ủy.

Điều 14. Tặng Huy hiệu "Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Lào Cai"

1. Huy hiệu "Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Lào Cai" là hình thức khen thưởng của tỉnh để ghi nhận những công lao, cống hiến của các cá nhân trong và ngoài tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng- an ninh và xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh.

2. Huy hiệu được xét tặng định kỳ hàng năm vào dịp kỷ niệm ngày thành lập tỉnh Lào Cai (12/7) hoặc xét tặng đột xuất để kịp thời ghi nhận những thành tích, công lao cống hiến của các cá nhân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh.

3. Đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình và hồ sơ xét tặng Huy hiệu thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Tiêu chuẩn xét, tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh"

1. Tiêu chuẩn:

a) Là tập thể có thành tích xuất sắc tiêu biểu, dẫn đầu các phong trào thi đua trong tỉnh, được bình xét, suy tôn từ các khối thi đua (do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc ủy quyền thành lập);

b) Đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng;

c) Mô hình, nhân tố mới phải nổi bật, có tính chất lan tỏa, áp dụng nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng xét, tặng "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" phải là các tập thể có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng.

Điều 16. Tiêu chuẩn xét, tặng "Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh"

1. "Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh" để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) Có 02 (hai) năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 (hai) sáng kiến được Hội đồng sáng kiến cơ sở công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở;

d) Đối với công nhân làm việc trong các doanh nghiệp từ 03 (ba) năm trở lên và cá nhân là thành viên hợp tác xã lập được thành tích tiêu biểu trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong doanh nghiệp, hợp tác xã và có ít nhất 01 (một) sáng kiến được người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã công nhận và giá trị làm lợi của sáng kiến từ 50 triệu đồng trở lên;

đ) Đối với nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức và có mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả mang lại lợi nhuận từ 100 triệu đồng/năm trở lên.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan nhà nước, đơn vị cấp có thẩm quyền phát động;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) Có 02 (hai) năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi

đưa; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

3. "Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh" tặng:

a) Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được công nhận đạt danh hiệu "Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp trung ương" hoặc có 02 (hai) lần liên tiếp được công nhận đạt danh hiệu "Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp tỉnh";

b) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có đóng góp bằng tiền, vật chất và công sức trị giá từ 150 (một trăm năm mươi) triệu đồng trở lên đối với tập thể và 50 (năm mươi) triệu đồng trở lên đối với cá nhân, hộ gia đình;

c) Tổ chức nước ngoài và cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh Lào Cai.

Điều 17. Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thư khen là hình thức ghi nhận, khích lệ, động viên kịp thời của Chủ tịch UBND tỉnh đối với các tập thể, cá nhân có thành tích, hành động tiêu biểu nổi bật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội để tuyên truyền, nêu gương, giáo dục.

2. Mẫu thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh đề xuất.

Điều 18. Giấy khen

1. Thẩm quyền tặng "Giấy khen":

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Việc xét, tặng "Giấy khen" cho tập thể, cá nhân và hộ gia đình: thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và quy định sau đây:

a) Việc tặng thưởng "Giấy khen" được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, gia đình và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua hoặc có đóng góp cho địa phương và xã hội.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương cụ thể hóa tiêu chuẩn tặng "Giấy khen" để kịp thời ghi nhận, biểu dương và tôn vinh thành tích của các tập thể, cá nhân.

Điều 19. Tuyển trình khen thưởng

1. Quy định chung về tuyển trình khen thưởng:

a) Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Việc khen thưởng sơ kết, tổng kết thực hiện Luật, Pháp lệnh và các văn bản do Trung ương ban hành; Đại hội, Hội thi, Hội thao, Hội diễn, Liên hoan, Lễ hội, Tổng điều tra, Bầu cử... nếu chưa có trong kế hoạch về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh các sở, ban, ngành, đoàn thể; huyện, thành phố hoặc doanh nghiệp phải có văn bản gửi Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh để tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ thực hiện việc hiệp y, xác nhận thành tích cho các tập thể và người đứng đầu các tập thể theo quy định.

2. Các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các hội, đoàn thể cấp huyện, cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

3. Các đơn vị trưởng khối thi đua của tỉnh trình khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thành viên được khối suy tôn, đề nghị.

4. Đối với các tập thể, cá nhân thuộc Công đoàn ngành của tỉnh; Liên đoàn lao động các huyện, thành phố do Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề thì tổng kết, đánh giá, khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

6. Việc trình khen thưởng đột xuất do cơ quan, đơn vị phát hiện có nhiệm vụ trích ngang thành tích và lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và chịu trách nhiệm về thành tích của các tập thể, cá nhân trước pháp luật.

7. Các doanh nghiệp thuộc khối thi đua của tỉnh trực tiếp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị.

8. Các doanh nghiệp, hợp tác xã không tham gia khối thi đua của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

9. Lực lượng Công an xã, Bảo vệ tổ dân phố do Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ trì phối hợp Công an huyện, thành phố xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Công an tỉnh là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

10. Các tập thể, cá nhân thuộc Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chủ trì phối hợp Ban Chỉ huy quân sự huyện, thành phố xét khen thưởng và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ

quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

11. Hội Nông dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho hội viên là Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 48, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” của Trưởng khối thi đua, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp;

b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Khối thi đua thuộc tỉnh, hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện, thành phố, sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

Thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Báo cáo thành tích 03 năm liên tục của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” có xác nhận của thủ trưởng đơn vị;

c) Bản phô tô "Giấy chứng nhận sáng kiến", "Quyền tác giả" cấp tỉnh (hoặc bộ, ngành trung ương); Cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đối chiếu với bản chính và chịu trách nhiệm về độ chính xác của bản phô tô.

d) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã.

Các tài liệu quy định tại điểm a, b và d khoản này đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”; “Đơn vị quyết thắng”:

Thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã.

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 48, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức; đối với cá nhân là nhân dân ở xã, phường, thị trấn và người lao động trực tiếp, không giữ chức vụ quản lý trong các doanh nghiệp, hợp tác xã không phải viết báo cáo thành tích và được thay bằng trích ngang tóm tắt thành tích do UBND xã, phường, thị trấn hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện;

c) Biên bản xét duyệt của Hội đồng Thi đua, khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã;

d) Bản phô tô văn bản chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo. Cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đối chiếu với bản chính và chịu trách nhiệm về độ chính xác của bản phô tô.

Các tài liệu quy định tại điểm a, b và c khoản này đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất:

Thực hiện theo quy định tại Điều 55, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Bản tóm tắt thành tích của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng.

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

6. Hồ sơ đề nghị tặng Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm có:

a) Tờ trình đề nghị của các cơ sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Tóm tắt thành tích, hành động tiêu biểu nổi bật của tập thể, cá nhân và ghi rõ nội dung đề nghị thư khen.

Các tài liệu quy định tại điểm a và b khoản này đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

7. Hồ sơ đề nghị hiệp ý, xác nhận thành tích, gồm có:

a) Văn bản đề nghị hiệp ý, xác nhận thành tích của cơ quan, đơn vị, địa phương (bản chính);

b) Báo cáo thành tích của đối tượng xin hiệp ý, xác nhận thành tích (bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền).

c) Văn bản hướng dẫn khen thưởng của bộ, ngành, đoàn thể trung ương (bản chính hoặc bản phô tô).

Điều 21. Hồ sơ do Sở Nội vụ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng

Hồ sơ do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ gồm 01 bộ hồ sơ (bản chính), cụ thể như sau:

1. Hồ sơ trình "Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh" và tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc":

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Danh sách và tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

2. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" và tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh":

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Danh sách và tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị tặng danh hiệu thi đua;

c) Biên bản kiểm phiếu kết quả bỏ phiếu của Thường trực Hội đồng - Thi đua khen thưởng hoặc của Hội đồng Thi đua - khen thưởng tỉnh.

3. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thư khen:

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Dự thảo nội dung thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận thành tích, trình khen thưởng cấp Nhà nước:

- a) Tờ trình của Sở Nội vụ;
- b) Danh sách và tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị Nhà nước khen thưởng ;
- c) Biên bản kiểm phiếu kết quả bỏ phiếu của Thường trực Hội đồng - Thi đua khen thưởng hoặc của Hội đồng Thi đua - khen thưởng tỉnh;
- d) Đối với các doanh nghiệp và người đứng đầu doanh nghiệp kèm theo bản phô tô văn bản tham gia ý kiến của các ngành chức năng đánh giá việc chấp hành chính sách pháp luật của doanh nghiệp.

Điều 22. Thời gian thẩm định hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng, hiệp y, xác nhận thành tích đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền khen thưởng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp, các huyện, thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, hoặc đề nghị hiệp y, xác nhận thành tích phải gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua, Khen thưởng tỉnh) trước ngày dự kiến tổ chức trao tặng, đón nhận (tại hội nghị tổng kết năm, tổng kết công tác, ngày truyền thống, lễ kỷ niệm,... của cơ quan, đơn vị, địa phương mình) hoặc theo yêu cầu của cấp trên ít nhất từ 20 (hai mươi) ngày làm việc trở lên.

2. Đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Nội vụ (Ban Thi đua, Khen thưởng tỉnh) thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Đối với hình thức khen thưởng cấp nhà nước: Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình khen thưởng trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc (đối với trường hợp đề nghị khen thưởng các đối tượng cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập", danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Thầy thuốc nhân dân", "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ nhân nhân dân", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân") và không quá 05 (năm) ngày làm việc (đối với các trường hợp còn lại) kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nội vụ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng hoặc hiệp y, xác nhận thành tích cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của cấp ngành, huyện

1. Hồ sơ đề nghị xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở":

Thực hiện theo quy định tại Điều 50, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- a) Tờ trình của đơn vị đề nghị;
 - b) Biên bản xét khen thưởng và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của đơn vị trình khen thưởng;
 - c) Báo cáo thành tích cá nhân;
 - d) Bản phô tô quyết định công nhận sáng kiến cơ sở hoặc bản sao các giấy tờ liên quan chứng minh có đủ điều kiện tương đương có sáng kiến cấp cơ sở.
- Các tài liệu quy định tại điểm a, b và c khoản này đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị xét, tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”:

Thực hiện theo quy định tại Điều 50, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- a) Tờ trình của đơn vị đề nghị;
- b) Biên bản xét khen thưởng của đơn vị đề nghị;
- c) Báo cáo thành tích.

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu: “Thôn văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Bản văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá”; “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” và “Giấy khen”: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 2

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp

- 1. Là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp uỷ đảng, chính quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng.
- 2. Định kỳ đánh giá tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất, đề ra các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- 3. Đôn đốc kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc quản lý.
- 4. Tham mưu, tư vấn cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc.
- 5. Tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng và quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho Hội đồng Thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 25. Thẩm quyền thành lập, cơ cấu và nhiệm vụ Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh và cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh

1. Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh.

2. Cơ cấu Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Hội đồng không quá 15 thành viên, trong đó có từ 3 đến 4 Phó Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Các thành viên Hội đồng gồm: Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Thanh tra tỉnh; Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh; Sở Tài Chính; Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh và các sở, ngành, đoàn thể khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng, Thường trực Hội đồng và Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng về xét chọn và đề nghị khen thưởng:

a) Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước khen thưởng theo quy định của pháp luật gồm: Danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân, Huy chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh trong phong trào thi đua thường xuyên và Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Hiệp y đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng các Danh hiệu vinh dự Nhà nước.

b) Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo quy định gồm: Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh trong các phong trào thi đua chuyên đề.

Hiệp y các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước gồm: Huân, Huy chương các loại; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Chính phủ và các hình thức khen thưởng của cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

c) Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thẩm định hồ sơ và trình đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng gồm: Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng; Bằng

khen trong phong trào thường xuyên, chuyên đề, đột xuất; Bức Trướng, Huy hiệu và Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 26. Thẩm quyền thành lập, cơ cấu Hội đồng Thi đua, khen thưởng của các cấp và doanh nghiệp, hợp tác xã

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh:

a) Thẩm quyền thành lập:

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

b) Cơ cấu Hội đồng Thi đua, khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc, Thủ trưởng cơ quan sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh. Phó Chủ tịch Hội đồng có từ 1 đến 2 Phó Chủ tịch, gồm: Cấp phó của người đứng đầu; Chủ tịch công đoàn cùng cấp. Các thành viên Hội đồng có từ 5 đến 7 thành viên là lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và một số phòng, ban chức năng, chuyên môn thuộc sở, ban, ngành, tổ chức; đại diện các tổ chức đoàn thể cùng cấp do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Bộ phận chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh là văn phòng hoặc phòng hành chính của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp, hợp tác xã:

a) Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, giám đốc, tổng giám đốc doanh nghiệp, chủ nhiệm hợp tác xã quyết định thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Cơ cấu Hội đồng Thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp, hợp tác xã:

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, giám đốc, tổng giám đốc doanh nghiệp, chủ nhiệm hợp tác xã. Phó Chủ tịch Hội đồng có từ 1 đến 2 Phó Chủ tịch, gồm: cấp phó của người đứng đầu; Chủ tịch công đoàn của doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng có từ 5 đến 7 thành viên là lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc và đại diện các tổ chức đoàn thể của doanh nghiệp do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Bộ phận chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp do Chủ tịch hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, giám đốc, tổng giám đốc doanh nghiệp, Chủ nhiệm hợp tác xã quyết định.

3. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện:

a) Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng của huyện, thành phố.

b) Cơ cấu Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện gồm:

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Hội đồng không quá 15 thành viên, trong đó có từ 2 đến 3 Phó Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định;

Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thành phố.

4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã:

Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập theo quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quy định này. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để báo cáo, trình cơ quan có thẩm quyền hoặc hướng dẫn thực hiện.

2. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Quy định này, các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể; các cơ quan Nhà nước; lực lượng vũ trang; các huyện, thành phố và các doanh nghiệp, hợp tác xã cụ thể hoá quy định về thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các ý kiến phản ánh về Sở Nội vụ (thông qua Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong